

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N B
TỈNH N B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/7/2020

V/v “Ly hôn; tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N B - TỈNH N B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Thị Huê – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa : Bà Phạm Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 35/ 2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/ 2020/ QĐST – HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, Sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn Cổ Loan Trung 2, xã N T, thành phố N B, tỉnh N B.

Bị đơn: Anh Bùi Trọng Kh, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn Phúc Sơn 2, xã N T, thành phố N B, tỉnh N B.

Tại phiên tòa: chị H có mặt; anh Kh vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Trọng Kh kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N T thành phố N B vào ngày 30/3/2012. Trước khi kết hôn chị và anh Kh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N T, thành phố N B. Cuộc sống vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2014, chị H đã cho con về nhà mẹ đẻ để sinh sống, cũng từ thời gian này chị và anh Kh sống ly thân, mỗi người ở một nơi không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Bùi Trọng Kh.

Về con chung: Chị H và anh Kh có một con chung tên cháu là Bùi Thu H, sinh ngày 14/12/2012. Hiện nay cháu H đang ở với chị, Tòa án giải quyết ly hôn chị xin được là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Trọng Kh đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Kh không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã làm việc với đại diện UBND xã N T và xuống nơi cư trú của anh Kh để xác minh. Chính quyền địa phương cho biết anh Bùi Trọng Kh là công dân của thôn Phúc Sơn 2, xã N T, thành phố N B và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Chị H và anh Kh có đăng ký kết hôn hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân của anh Kh chị H: Sau khi kết hôn anh Kh và chị H sống chung với gia đình anh Kh, nhưng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến năm 2014 chị H cho con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Kh ở lại tại gia đình. Từ đó cho đến nay chị H không về chung sống cùng anh Kh nữa. Anh Kh thường xuyên vắng nhà do đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, việc anh Kh đi đâu, làm gì địa phương không nắm được do anh Kh trước khi đi không báo cho chính quyền địa phương.

Tại đơn đề nghị của cháu Bùi Thu H trình bày: Hiện tại cháu đang ở với mẹ, được mẹ chăm sóc và đảm bảo cho cháu về điều kiện sinh hoạt và học tập. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bố mẹ cháu thì cháu xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh vì mâu thuẫn giữa

chị và anh Kh trầm trọng, anh chị sống ly thân đã 06 năm nay, vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung chị xin được nuôi cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Kh không phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Kh không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Trần Thị H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, anh Bùi Trọng Kh là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh Kh không đến Tòa theo giấy triệu tập là chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; không nộp bản tự khai, không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Bùi Trọng Kh; Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thu H, sinh ngày 14/12/2012 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống; Anh Kh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo yêu cầu của chị Trần Thị H.

Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Trọng Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ cũng như niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh Khánh vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Bùi Trọng Kh được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T thành phố N B, tỉnh N B. Hôn nhân giữa chị H và anh Kh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống ; Chị và anh Kh đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh Kh.

Anh Kh vắng mặt tại phiên tòa. Qua xác minh tại địa phương anh Kh do thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt ở nhà. Tòa án có xuống địa phương, gặp người nhà anh Kh và thông báo về việc chị Hồng có đơn xin ly hôn anh, người nhà anh Kh có biết việc này và thông qua họ, Tòa án biết việc anh Kh có biết việc chị H làm đơn xin ly hôn anh và anh có nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, nhưng anh Kh không chấp hành thực hiện các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, chị H khẳng định cuộc sống vợ chồng của anh chị mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2014; anh, chị ly thân đã lâu, đến nay không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa chị và anh Kh, mặt khác anh Kh cũng không đến Tòa án làm việc, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ được. Chị H khai: Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh Kh không sang thăm con, chu cấp cho con; cũng không có động thái gì hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Kh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Trần Thị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh Kh có một con chung tên cháu là Bùi Thu H, sinh ngày 14/12/2012. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Nguyên vọng của cháu H cũng xin được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi con, chị H có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Mặt khác, cháu H là con gái, cần có sự bảo ban, dạy dỗ, chăm sóc của mẹ, anh Khánh lại thường xuyên không có mặt ở nhà. Do vậy, cần giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục

cháu Bùi Thu H, đến khi cháu Hà đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Hiện tại anh Kh thường xuyên đi làm xa, không xác định được mức lương chính hàng tháng, mặc dù chị H không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con, nhưng để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên và cần có việc chia sẻ nuôi con với chị H. Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh Kh cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cùng chị H theo phương thức định kỳ hàng tháng với số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: chị H và anh Kh không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); anh Kh phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Bùi Trọng Kh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Bùi Trọng Kh.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thu H, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2012 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Trọng Kh có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Không ai được cản trở anh Kh thực hiện quyền này. Khi cần các bên có thể thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng tiền cho con: Buộc anh Bùi Trọng Kh phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị H theo phương thức định kỳ hàng tháng, số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8 năm 2020, đến khi cháu Bùi Thu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Bùi Trọng Kh không chịu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng anh Kh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: chị Trần Thị H và anh Bùi Trọng Kh không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền chị Hồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N B, tỉnh N B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001430 ngày 13 tháng 02 năm 2020. Chị Hồng đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Bùi Trọng Kh phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Trọng Kh vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N B;
- VKSNDTP N B;
- Chi cục THADSTP N B;

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Phương

